

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KHÁNH HÒA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/DSPT

Ngày 05 tháng 9 năm 2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng Huê*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thuý Phương**

Các thẩm phán: Ông **Võ Đình Phương**

Bà **Huỳnh Thị Xuân Oanh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Ánh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Đăng Phương Huệ** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 65/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về “*Tranh chấp Hợp đồng Huê*”.

Do có kháng cáo của bà **Trần Thị Xuân T** với Bản án số 15/2024/DSST ngày 15/3/2024 của Toà án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2024/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Á (Gái)**, sinh năm: 1970; địa chỉ: **Tổ D T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà**. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Xuân T**, sinh năm: 1975; địa chỉ: **C V, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Trần Thị Á (Gái) trình bày: Bà và bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** cùng sinh sống tại **phường V**. Bà **T** là chủ cái huê và rủ bà tham gia chơi huê, bà có tham gia chơi dây huê ngày 20/4/2020 âm lịch, huê gồm 15 phần, mỗi tháng đóng 20.000.000đ, bà đã đóng huê đủ cho bà **T** nhưng đến ngày 20/5/2021 âm lịch mãn huê bà hót huê nhưng bà **T** không chông tiền huê cho bà. Trong dây huê trên bà có mua huê (chồng đậy) 01 phần và đến ngày hót huê bà **T** cũng không chịu chông tiền. Bà cũng đã nhiều lần yêu cầu bà **T** chông huê nhưng bà **T** không trả tiền huê mà hứa hẹn, đến ngày 28/9/2021 bà **Trần Thị Xuân T** viết giấy xác nhận nợ tiền huê của bà số tiền 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*). Bà cũng đã làm đơn gửi Cơ quan Công an về việc tố cáo bà **Trần Thị Xuân T** có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà nhưng Cơ quan Công an đã có văn bản trả lời việc

chơi huê là việc dân sự nên không thụ lý giải quyết. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà **Trần Thị Xuân T** phải trả cho bà số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** trình bày:

Bà **T** thông nhất lời trình bày của nguyên đơn bà **Trần Thị Á** (Gái) là đúng sự thật, bà **T** thừa nhận còn nợ bà **Trần Thị Á** số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), bà đồng ý trả cho bà **Á** số tiền này, nhưng hiện hoàn cảnh bà đang gặp khó khăn, không thể trả một lần số tiền trên nên bà xin trả bà **Á** mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Tại Bản án sơ thẩm số 15/2024/DSST ngày 15/3/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định: Căn cứ các Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Á** (Gái) về “*Tranh chấp hợp đồng huê*” đối với bị đơn bà **Trần Thị Xuân T**. 1. Buộc bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** phải trả cho nguyên đơn bà **Trần Thị Á** (Gái) số tiền 600.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18/3/2024, bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang với lý do: Quá trình chơi huê bên nguyên đơn đã nhận lãi hàng tháng quá cao, nhưng Tòa án sơ thẩm không trừ số tiền lãi mà nguyên đơn đã nhận mà buộc bị đơn (bà **T**) phải trả cho nguyên đơn 600 triệu đồng là thiệt thòi cho bị đơn nên đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét tính lại phần lãi. Ngoài ra, bà còn đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét cho bà được miễn giảm án phí sơ thẩm vì hoàn cảnh hiện nay của bà rất khó khăn (những người chơi huê đều bỏ trốn, không đóng thuê hàng tháng cho bà) nên bà không có khả năng đóng án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà **T** trình bày: Nay bà chỉ kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hoàn cảnh khó khăn của bà, cho bà được miễn, giảm án phí sơ thẩm. Các nội dung kháng cáo khác bà **T** xin rút kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bà **T** chỉ kháng cáo xin miễn, giảm án phí, các nội dung kháng cáo khác bà **T** đã rút nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cung cấp Đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường V (nơi bà T cư trú), nên đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, giảm cho bà T một phần án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Xuân T còn trong thời hạn nên có cơ sở để xem xét nội dung kháng cáo.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm:

[2.1] Bà T rút nội dung kháng cáo: Yêu cầu tính lại phần lãi mà nguyên đơn bà Trần Thị Á đã nhận hàng tháng do chơi huê. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối phần của vụ án mà người kháng cáo (bà Trần Thị Xuân T) đã rút kháng cáo.

[2.2] Xét nội dung bà T kháng cáo (về án phí sơ thẩm):

Bà T trình bày: Hiện hoàn cảnh của bà rất khó khăn (do bị người khác chiếm đoạt tiền góp vốn làm ăn chung; những người chơi huê không đóng tiền huê và đã bỏ trốn), ngoài việc bà phải trả nợ tiền huê cho những người chơi huê với bà (bà bị họ kiện ở Tòa án) bà còn phải chịu tiền án phí, nên bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn, giảm án phí cho bà. Đồng thời, bà T cung cấp cho Hội đồng xét xử đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường V (nơi bà T cư trú) và Thông báo về việc xử lý đơn số 148/VPCQCSĐT-Đ1 của Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh K. (Đơn bà đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh K khởi tố bà Võ Huỳnh Thị N, sinh năm 1975, địa chỉ: 2 đường B phường P, TP. đã chiếm đoạt số tiền hơn 06 tỷ đồng của bà góp vốn làm ăn cùng với bà N từ tháng 9/2020).

Xét thấy: Việc bà T trình bày hoàn cảnh khó khăn có đơn xin miễn, giảm án phí, đơn đã được Ủy ban nhân dân phường V xác nhận; đồng thời bà T có cung cấp cho Hội đồng xét xử Thông báo về việc xử lý đơn số 148/VPCQCSĐT-Đ1 của Văn phòng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh K về đơn bà đề nghị khởi tố bà Võ Huỳnh Thị N về hành vi chiếm đoạt tài sản của bà. Đây là lý do khách quan dẫn đến hoàn cảnh của bà T gặp khó khăn như trong đơn bà T trình bày, nên có cơ sở pháp lý chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/UBTV-QH, giảm cho bà T 50% án phí dân sự sơ thẩm. Do chấp nhận một phần kháng cáo của bà T nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 3 Điều 248, Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà **Trần Thị Xuân T**; sửa bản án sơ thẩm (về phần án phí).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Thị Á** (Gái) về “*Tranh chấp hợp đồng huê*” đối với bị đơn bà **Trần Thị Xuân T**;

Buộc bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** phải trả cho nguyên đơn bà **Trần Thị Á** (Gái) số tiền 600.000.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Bị đơn bà **Trần Thị Xuân T** phải chịu 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho bà **Trần Thị Á** 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001624 ngày 04/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

2.2. Án phí phúc thẩm: Bà **Trần Thị Xuân T** không phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm.

H lại cho bà **Trần Thị Xuân T** 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002329 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Các Thẩm phán

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Võ Đình Phương Huỳnh Thị Xuân O

Lê Thúy P